



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05369/2025/PKQ/25.2345

Tên khách hàng : Công ty đầu tư hạ tầng và đô thị Viglacera – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera - CTCP

Địa chỉ : Nhà điều hành KCN Tiền Hải, Thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

Địa điểm quan trắc : KCN Đồng Văn IV phường Đại Cương, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Số mẫu : 5

Ngày quan trắc/ nhận mẫu: : 14/05/2025 Ngày trả kết quả: 02/06/2025

STT	Loại mẫu	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	Nước thải	250514.NT.008	NT1	Tại hố gom nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung (20°37'44.82" (X: 2281842,128), 105°53'19.08" (Y: 592557,527))
2	Nước thải	250514.NT.009	NT2	Tại đường ống xả nước thải sau xử lý ra kênh A3-2-11 (20°37'47.68" (X: 2282918,554), 105°53'20.19" (Y: 592797,222))
3	Nước mặt	250514.NM.004	NM1	Tại vị trí cách cửa xả khoảng 50m về phía thượng lưu (20°37'35.06" (X: 2281880), 105°53'24.02" (Y: 592492))
4	Nước mặt	250514.NM.005	NM2	Tại vị trí cách cửa xả khoảng 50m về phía hạ lưu (20°37'35.78" (X: 2281813), 105°53'21.29" (Y: 592566))
5	Bùn thải	250514.BT.002	BT2	Mẫu bùn của Mô-đun 2: 4000m ³ /ngày.đêm (20°37'46.81" (X: 2282208), 105°53'17.16" (Y: 592359))

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

Thông tin về kết quả thử nghiệm: Xem các trang tiếp theo.

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

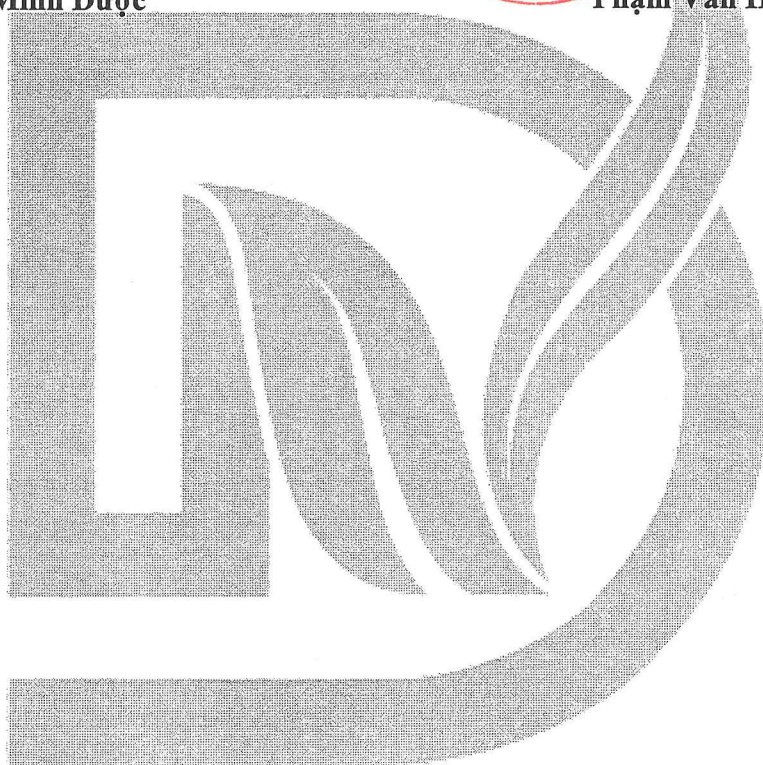
P. GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Dược



Phạm Văn Huân



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Loại mẫu : Nước thải
Mã mẫu : 250514.NT.009
Ký hiệu mẫu : NT2

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A (Cmax)
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,35	6-9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	28,1	40
3	Độ màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<15 (LOQ=15)	50
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)(20°C)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	15	24,3
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	42	60,75
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	16	40,5
7	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,0567
8	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,0016)	0,081
9	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	KPH (MDL=1)	4,05
10	Sulfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,162
11	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2023	mg/L	<0,3 (LOQ=0,3)	4,05
12	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,06 (LOQ=0,06)	4,05
13	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/L	13,3	16,2
14	Tổng P	TCVN 6202:2008	mg/L	0,11	3,24
15	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	116	405
16	Clo dư	TCVN 6225-3:2011	mg/L	<0,75 (LOQ=0,75)	0,81

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A (Cmax)
17	Asen (As)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,006)	0,0405
18	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,00405
19	Chì (Pb)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,0065)	0,081
20	Cadimi (Cd)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,0015)	0,0405
21	Crom VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,0405
22	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3500-Cr.B:2023 +SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,055)	0,162
23	Đồng (Cu)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,005)	1,62
24	Kẽm (Zn)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,01)	2,43
25	Niken (Ni)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,162
26	Mangan (Mn)	US EPA Method 200.7	mg/L	0,028	0,405
27	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,090	0,81
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 8879:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 8879:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,04)	1,0
30	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100 mL	790	3000

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT2: Tại đường ống xả nước thải sau xử lý ra kênh A3-2-11. Tọa độ: 20°37'47.68", 105°53'20.19"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

+ Cột A (Cmax): Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Kq = 0,9; Kf = 0,9.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định